

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 22	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 76
KHÁM PHÁ	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

a)

Ngày thứ nhất, trang trại thu được 180 510 l sữa. Ngày thứ hai, trang trại thu được 210 365 l sữa.

Cả hai ngày, trang trại thu được bao nhiêu lít sữa nhỉ?

Thực hiện tương tự như phép cộng đã học.

$$180\ 510 + 210\ 365 = ?$$

$\begin{array}{r} 180\ 510 \\ + 210\ 365 \\ \hline 390\ 875 \end{array}$	• 0 cộng 5 bằng 5, viết 5. • 1 cộng 6 bằng 7, viết 7. • 5 cộng 3 bằng 8, viết 8. • 0 cộng 0 bằng 0, viết 0. • 8 cộng 1 bằng 9, viết 9. • 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.
--	--

$$180\ 510 + 210\ 365 = 390\ 875$$

b)

$$327\ 456 + 190\ 835 = ?$$

$\begin{array}{r} 327\ 456 \\ + 190\ 835 \\ \hline 518\ 291 \end{array}$	• 6 cộng 5 bằng 11, viết 1 nhớ 1. • 5 thêm 1 bằng 6; 6 cộng 3 bằng 9, viết 9. • 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 nhớ 1. • 7 thêm 1 bằng 8; 8 cộng 0 bằng 8, viết 8. • 2 cộng 9 bằng 11, viết 1 nhớ 1. • 3 thêm 1 bằng 4; 4 cộng 1 bằng 5, viết 5.
--	--

$$327\ 456 + 190\ 835 = 518\ 291$$

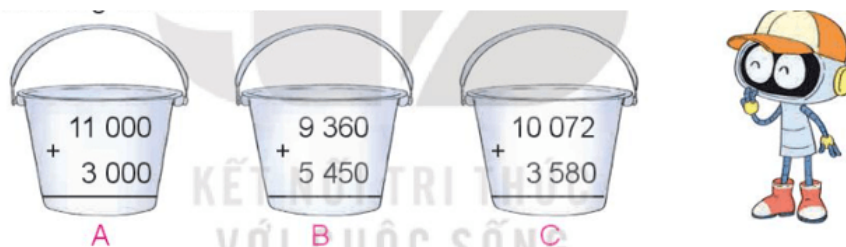
Bài giải

Khi cộng các số có nhiều chữ số, ta đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, rồi cộng từ phải sang trái.

Ví dụ: $1\ 206\ 800 + 894\ 200 = 2\ 101\ 000$.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 22	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 77
HOẠT ĐỘNG	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

Nº Bài 1. Trang 77. Tập 1. Kết quả của phép tính ghi trên mỗi chiếc xô là số mi-li-lít sữa bò được chứa trong chiếc xô đó. Xô nào chứa nhiều sữa bò nhất? Xô nào chứa ít sữa bò nhất?



Bài giải

Xô A: $11\ 000 + 3\ 000 = 14\ 000$ (ml) Xô B: $9\ 360 + 5\ 450 = 14\ 810$ (ml)

Xô C: $10\ 072 + 3\ 580 = 13\ 652$ (ml) Ta có: $13\ 652 < 14\ 000 < 14\ 810$.

Vậy xô B chứa nhiều sữa bò nhất, xô C chứa ít sữa bò nhất.

Nº Bài 2. Trang 77. Tập 1. Đặt tính rồi tính.

$$3\ 246 + 4\ 721$$

$$47\ 282 + 2\ 514$$

$$139\ 820 + 240\ 134$$

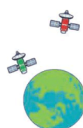
$$482\ 824 + 420\ 546$$

Bài giải

$$\begin{array}{r}
 3\ 246 \\
 +\ 4\ 721 \\
 \hline
 7\ 967 \\
 139\ 820 \\
 +240\ 134 \\
 \hline
 379\ 954
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 47\ 282 \\
 +\ 2\ 514 \\
 \hline
 49\ 796 \\
 482\ 824 \\
 +420\ 546 \\
 \hline
 903\ 370
 \end{array}$$

Nº Bài 3. Trang 77. Tập 1. Trong 1 phút, vệ tinh màu xanh bay được quãng đường dài 474 000 m, vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài hơn vệ tinh màu xanh là 201 km. Hỏi trong 1 phút, vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài bao nhiêu mét ?



Bài giải

Đổi: $201\ \text{km} = 201\ 000\ \text{m}$.

Trong 1 phút, vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường là:

$$474\ 000 + 201\ 000 = 675\ 000\ (\text{m})$$

Đáp số: 675 000 m.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 22	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 78
LUYỆN TẬP	PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

NºBài 1. Trang 78. Tập 1. Đặt tính rồi tính.

5 839 + 712
548 393 + 28 110

319 256 + 378 028

<u>Bài giải</u>		
5 839	548 393	319 256
+ 712	+28 110	+378 028
-----	-----	-----
6 551	576 503	697 284

NºBài 2. Trang 78. Tập 1. Chọn câu trả lời đúng.

Giá tiền của một số đồ dùng học tập được cho như sau:

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đồng)
1	Bút máy	24 600
2	Vở học sinh	9 500
3	Cặp sách	90 000
4	Bộ thước kẻ	15 000

Với 100 000 đồng, có thể mua được cặp sách và đồ dùng nào?

A. Bút máy; B. Vở học sinh; C. Bộ thước kẻ.

<u>Bài giải</u>

Ta có: 90 000 + 9 500 = 99 500 (đồng).

Vì 99 500 đồng < 100 000 đồng nên với 100 000 đồng, ta có thể mua được cặp sách và vở học sinh.

Đáp án đúng: Chọn B.

Nội Bài 3. Trang 78. Tập 1. Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 12\boxed{?}3\boxed{?} \\ + \boxed{?}4\boxed{?}5 \\ \hline 17819 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2\boxed{?}3\boxed{?}5 \\ + 45\boxed{?}24 \\ \hline 7250\boxed{?} \end{array}$$

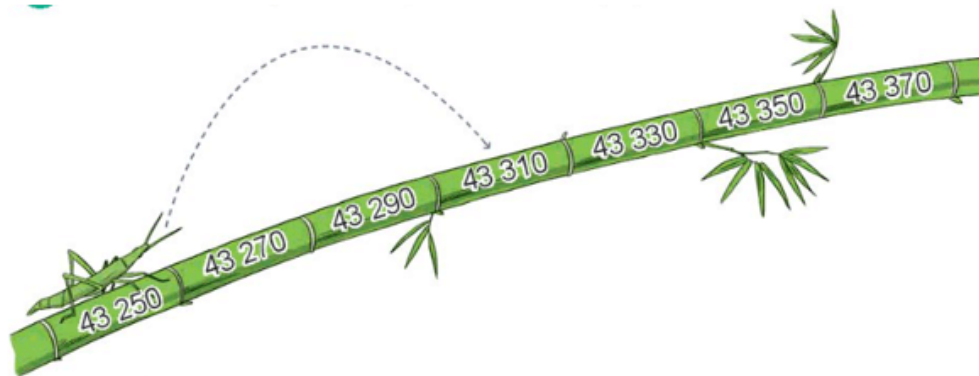
Bài giải

Ta điền được các chữ số như sau:

$$\begin{array}{r} 12\boxed{3}3\boxed{4} \\ + \boxed{5}4\boxed{8}5 \\ \hline 17819 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2\boxed{7}3\boxed{8}5 \\ + 45\boxed{1}24 \\ \hline 7250\boxed{9} \end{array}$$

Phép tính	Kết quả sau khi điền chữ số
Phép tính thứ nhất	$12\,334 + 5\,485 = 17\,819$
Phép tính thứ hai	$27\,385 + 45\,124 = 72\,509$

Nội Bài 4. Trang 78. Tập 1. Cào cào sẽ nhảy hai bước, mỗi bước nhảy qua hai đốt tre. Tính tổng các số ghi trên đốt tre mà cào cào sẽ nhảy đến.



Bài giải

Cào cào xuất phát từ đốt tre ghi số 43 250.

Bước thứ nhất, cào cào nhảy qua hai đốt tre 43 270 và 43 290, nên nhảy đến đốt tre ghi số 43 310.

Bước thứ hai, cào cào nhảy qua hai đốt tre 43 330 và 43 350, nên nhảy đến đốt tre ghi số 43 370.

Tổng các số ghi trên hai đốt tre mà cào cào nhảy đến là:

$$43\,310 + 43\,370 = 86\,680$$

Đáp số: 86 680.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 23	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 79
KHÁM PHÁ	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

a)

Video dạy hát nhạc có 235 072 lượt xem còn video dạy tiếng Anh có 438 589 lượt xem.

Video dạy tiếng Anh nhiều hơn video dạy hát nhạc bao nhiêu lượt xem nhỉ?



Thực hiện tương tự như phép trừ đã học.

$$438\ 589 - 235\ 072 = ?$$

$\begin{array}{r} 438\ 589 \\ - 235\ 072 \\ \hline 203\ 517 \end{array}$	• 9 trừ 2 bằng 7, viết 7. • 8 trừ 7 bằng 1, viết 1. • 5 trừ 0 bằng 5, viết 5. • 8 trừ 5 bằng 3, viết 3. • 3 trừ 3 bằng 0, viết 0. • 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.
--	--

438 589 – 235 072 = 203 517

b)

$$648\ 390 - 382\ 547 = ?$$

$\begin{array}{r} 648\ 390 \\ - 382\ 547 \\ \hline 265\ 843 \end{array}$	• 0 không trừ được 7, lấy 10 trừ 7 bằng 3, viết 3 nhớ 1. • 9 trừ 1 bằng 8; 8 trừ 4 bằng 4, viết 4. • 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8 nhớ 1. • 8 trừ 1 bằng 7; 7 trừ 2 bằng 5, viết 5. • 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6 nhớ 1. • 6 trừ 1 bằng 5; 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.
--	---

648 390 – 382 547 = 265 843

Bài giải

Khi trừ các số có nhiều chữ số, ta đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, rồi trừ từ phải sang trái.

Nếu chữ số ở hàng nào của số bị trừ bé hơn chữ số ở cùng hàng của số trừ thì ta mượn 1 ở hàng bên trái để thực hiện phép trừ.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 23	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 80
HOẠT ĐỘNG	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

Nº Bài 1. Trang 80. Tập 1. Đặt tính rồi tính.

$$36\ 724 - 3\ 291$$

$$637\ 891 - 412\ 520$$

$$895\ 332 - 282\ 429$$

Bài giải

$$\begin{array}{r} 36\ 724 \\ - 3\ 291 \\ \hline 33\ 433 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 637\ 891 \\ - 412\ 520 \\ \hline 225\ 371 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 895\ 332 \\ - 282\ 429 \\ \hline 612\ 903 \end{array}$$

Nº Bài 2. Trang 80. Tập 1. Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần?

Khi bay, tổ đập cánh khoảng 180 000 lần trong 5 phút.

Còn tổ đập cánh khoảng 60 000 lần trong 5 phút khi bay.



Bài giải

Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong số lần là:

$$180\ 000 - 60\ 000 = 120\ 000 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 120 000 lần.

Nº Bài 3. Trang 80. Tập 1. Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh có 240 373 l. Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng có 25 350 l. Hỏi khoang chứa nhiên liệu của máy bay nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?



Bài giải

Ta thấy: $240\ 373\ \text{l} > 25\ 350\ \text{l}$ nên khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh có nhiều hơn.

Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh nhiều hơn khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng số lít là:

$$240\ 373 - 25\ 350 = 215\ 023 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 215 023 lít.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 23	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	Trang: 81
LUYỆN TẬP	PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	

Nội Bài 1. Trang 81. Tập 1. Số?

Số bị trừ	538 239	347 287	432 000	?
Số trừ	27 018	20 026	?	227 000
Hiệu	?	?	231 000	452 000

Bài giải

Số bị trừ	538 239	347 287	432 000	679 000
Số trừ	27 018	20 026	201 000	227 000
Hiệu	511 221	327 261	231 000	452 000

Nội Bài 2. Trang 81. Tập 1. Tìm chữ số thích hợp.

6?2914

– 1237?6

—————

51?20?

50751?

– ?27?30

—————

18?088

Bài giải

Ta điền được các chữ số như sau:

642914

– 123706

—————

519208

507518

– 327430

—————

180088

Phép tính	Kết quả sau khi điền chữ số
Phép tính thứ nhất	642 914 – 123 706 = 519 208
Phép tính thứ hai	507 518 – 327 430 = 180 088

Nº Bài 3. Trang 81. Tập 1. Rô-bốt mời Việt, Nam và Mi đi xem phim. Biết tiền vé của cả bốn bạn là 320 000 đồng. Rô-bốt đưa tờ tiền 500 000 đồng cho người bán vé. Hỏi người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền?



Bài giải

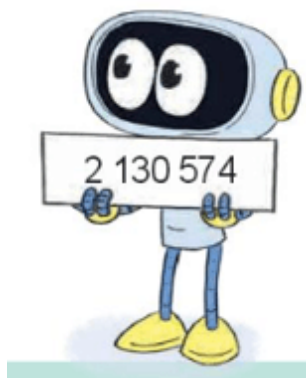
Người bán vé phải trả lại Rô-bốt số tiền là:

$$500\ 000 - 320\ 000 = 180\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 180 000 đồng.

Nº Bài 4. Trang 81. Tập 1. Rô-bốt viết số 2 130 574 lên bảng. Xoá đi một chữ số bất kì để thu được số có sáu chữ số.

- Tìm số lớn nhất, số bé nhất có thể nhận được sau khi xoá.
- Tìm hiệu của số lớn nhất và số bé nhất tìm được ở câu a.



Bài giải

a) Để được số lớn nhất, ta xoá chữ số 1, được số 230 574.

Để được số bé nhất, ta xoá chữ số 2, được số 130 574.

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất là:

$$230\ 574 - 130\ 574 = 100\ 000$$

Đáp số: 100 000.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 24	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	Trang: 82
KHÁM PHÁ	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	



b) Tính giá trị của hai biểu thức $a + b$ và $b + a$

a	b	$a + b$	$b + a$
4	3	$4 + 3 = 7$	$3 + 4 = 7$
6	9	$6 + 9 = 15$	$9 + 6 = 15$
8	5	$8 + 5 = 13$	$5 + 8 = 13$

Nhận thấy giá trị của $a + b$ và $b + a$ luôn bằng nhau, ta viết:

$$a + b = b + a$$

Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

Bài giải

Từ hình vẽ, ta thấy khi mua một cốc nước cam và một cái bánh thì có thể tính:
 $20\,000 + 15\,000 = 35\,000$ (đồng).

Nếu đổi thứ tự các số hạng: $15\,000 + 20\,000 = 35\,000$ (đồng).

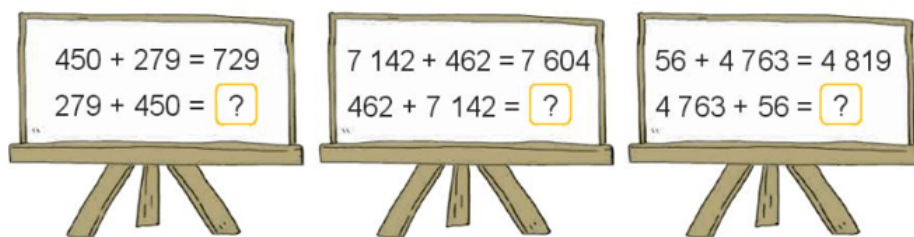
Vậy: $20\,000 + 15\,000 = 15\,000 + 20\,000$.

Tính chất giao hoán của phép cộng: Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

Ta viết: $a + b = b + a$.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 24	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	Trang: 83
HOẠT ĐỘNG	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	

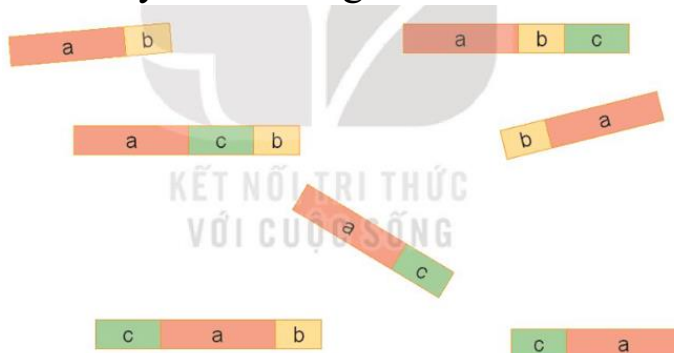
Nội Bài 1. Trang 83. Tập 1. Số?



Bài giải

$450 + 279 = 729$	$7\ 142 + 462 = 7\ 604$	$56 + 4\ 763 = 4\ 819$
$279 + 450 = 729$	$462 + 7\ 142 = 7\ 604$	$4\ 763 + 56 = 4\ 819$

Nội Bài 2. Trang 83. Tập 1. Rô-bốt dùng những đoạn có độ dài a, b, c để ghép được những thanh như hình dưới đây. Hỏi những thanh nào có độ dài bằng nhau?



Bài giải

Các thanh có độ dài bằng nhau là:

- Thanh gồm a và b bằng thanh gồm b và a.
- Các thanh gồm a, b, c có độ dài bằng nhau, dù sắp xếp theo thứ tự a + b + c, a + c + b, b + a + c hoặc c + a + b.

Nội Bài 3. Trang 83. Tập 1. Tính bằng cách thuận tiện nhất (theo mẫu).

Mẫu: $30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89 = 100 + 89 = 189$

a) $30 + 192 + 70$

b) $50 + 794 + 50$

c) $75 + 219 + 25$

d) $725 + 199 + 125$

Bài giải

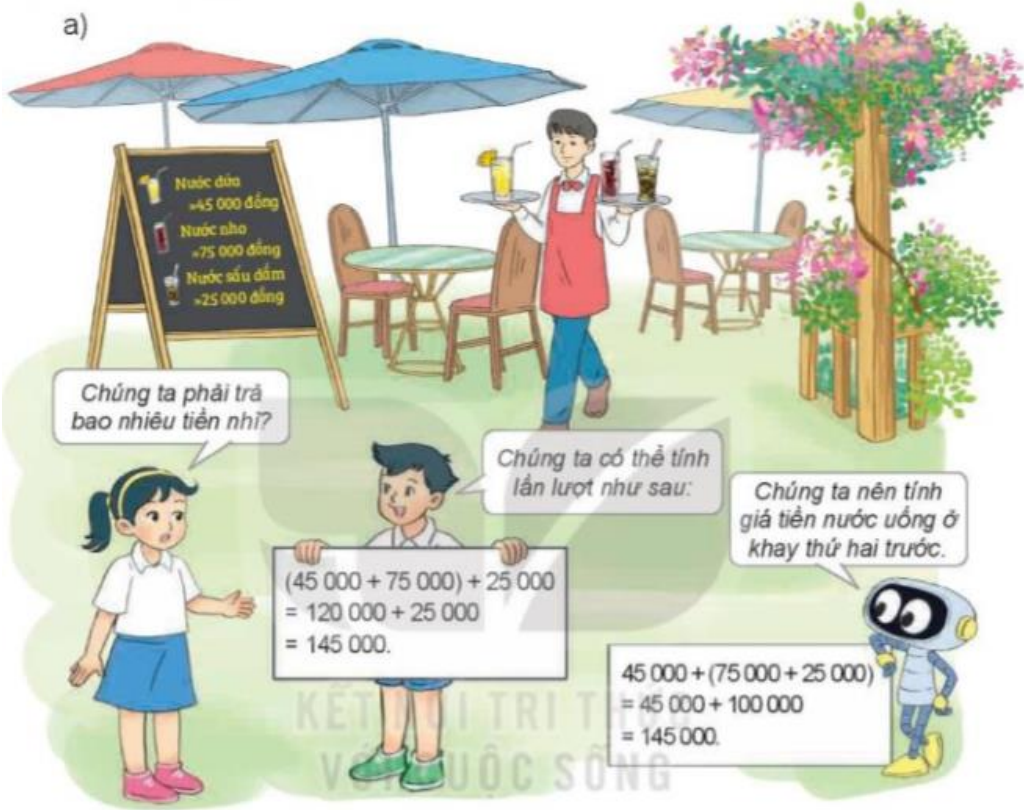
a) $30 + 192 + 70 = 30 + 70 + 192$
 $= 100 + 192 = 292$

c) $75 + 219 + 25 = 75 + 25 + 219$
 $= 100 + 219 = 319$

b) $50 + 794 + 50 = 50 + 50 + 794$
 $= 100 + 794 = 894$

d) $725 + 199 + 125 = 725 + 125 + 199$
 $= 850 + 199 = 1\ 049$

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 24	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	Trang: 84
KHÁM PHÁ	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	



b) Tính giá trị của hai biểu thức $(a + b) + c$ và $a + (b + c)$

a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$
6	4	8	$(6 + 4) + 8 = 10 + 8 = 18$	$6 + (4 + 8) = 6 + 12 = 18$
39	18	82	$(39 + 18) + 82 = 57 + 82 = 139$	$39 + (18 + 82) = 39 + 100 = 139$

Nhận thấy giá trị của $(a + b) + c$ và $a + (b + c)$ luôn bằng nhau, ta viết:

$(a + b) + c = a + (b + c)$

 Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

Bài giải

Ta có thể tính tổng giá tiền theo hai cách:

$$(45\,000 + 75\,000) + 25\,000 = 120\,000 + 25\,000 = 145\,000.$$

$$45\,000 + (75\,000 + 25\,000) = 45\,000 + 100\,000 = 145\,000.$$

Vậy: $(45\,000 + 75\,000) + 25\,000 = 45\,000 + (75\,000 + 25\,000)$.

Tính chất kết hợp của phép cộng: Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

Ta viết: $(a + b) + c = a + (b + c)$.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 24	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	Trang: 85
HOẠT ĐỘNG	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	

Nº Bài 1. Trang 85. Tập 1. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $68 + 207 + 3$

b) $25 + 159 + 75$

c) $1 + 99 + 340$

d) $372 + 290 + 10 + 28$

Bài giải

a) $68 + 207 + 3 = 68 + (207 + 3)$

$= 68 + 210 = 278$

b) $25 + 159 + 75 = (25 + 75) + 159$

$= 100 + 159 = 259$

c) $1 + 99 + 340 = (1 + 99) + 340$

$= 100 + 340 = 440$

d) $372 + 290 + 10 + 28 = (372 + 28) + (290 + 10)$

$= 400 + 300 = 700$

Nº Bài 2. Trang 85. Tập 1. Tính giá trị của biểu thức $(a + b) + c$ với $a = 1\,975$;

$b = 1\,991$; $c = 2\,025$.

Bài giải

Với $a = 1\,975$; $b = 1\,991$; $c = 2\,025$, ta có:

$$(a + b) + c = (1\,975 + 1\,991) + 2\,025$$

$$= (1\,975 + 2\,025) + 1\,991$$

$$= 4\,000 + 1\,991 = 5\,991$$

Vậy giá trị của biểu thức trên là 5 991.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 24	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	Trang: 85
LUYỆN TẬP	TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG	

№Bài 1. Trang 85. Tập 1. Tìm số hoặc chữ thích hợp với ?.

Tìm số hoặc chữ thích hợp với ?.

a) $746 + ? = 487 + 746$

b) $? + 304 = 304 + 1\,975$

c) $a + b + 23 = a + (? + 23)$

d) $26 + c + 74 = (26 + ?) + c$

Bài giải

a) $746 + 487 = 487 + 746$

b) $1\,975 + 304 = 304 + 1\,975$

c) $a + b + 23 = a + (b + 23)$

d) $26 + c + 74 = (26 + 74) + c$

№Bài 2. Trang 85. Tập 1. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $92 + 74 + 26$

b) $12 + 14 + 16 + 18$

c) $592 + 99 + 208$

d) $60 + 187 + 40 + 13$

Bài giải

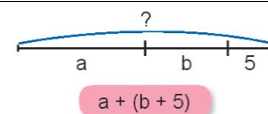
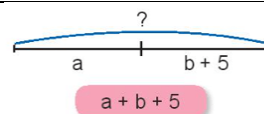
a) $92 + 74 + 26 = 92 + (74 + 26) = 92 + 100 = 192$

b) $12 + 14 + 16 + 18 = (12 + 18) + (14 + 16) = 30 + 30 = 60$

c) $592 + 99 + 208 = (592 + 208) + 99 = 800 + 99 = 899$

d) $60 + 187 + 40 + 13 = (60 + 40) + (187 + 13) = 100 + 200 = 300.$

№Bài 3. Trang 85. Tập 1. Tìm biểu thức phù hợp với mỗi sơ đồ. Tính giá trị của mỗi biểu thức với $a = 15$ và $b = 7$.



Bài giải

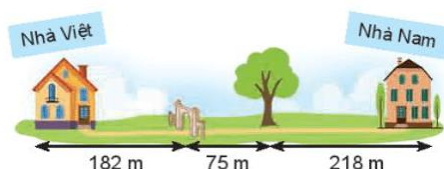
Hai biểu thức phù hợp với hai sơ đồ là: $a + b + 5$ và $a + (b + 5)$.

Với $a = 15$ và $b = 7$, ta có: $a + b + 5 = 15 + 7 + 5 = (15 + 5) + 7 = 20 + 7 = 27$

$$a + (b + 5) = 15 + (7 + 5) = 15 + 12 = 27$$

Vậy với $a = 15$ và $b = 7$ thì giá trị của hai biểu thức trên đều bằng 27.

№Bài 4. Trang 85. Tập 1. Để đi từ nhà mình đến nhà Nam, Việt cần đi qua một công làng và một cây cổ thụ. Khoảng cách từ nhà Việt đến công làng là 182 m. Khoảng cách từ công làng đến cây cổ thụ là 75 m. Khoảng cách từ cây cổ thụ đến nhà Nam là 218 m. Hỏi quãng đường Việt cần đi dài bao nhiêu mét ?



Bài giải

Quãng đường Việt cần đi dài số mét là:

$$182 + 75 + 218 = (182 + 218) + 75 = 400 + 75 = 475 \text{ (m)}$$

Đáp số: 475 mét.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 25	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	Trang: 86
KHÁM PHÁ	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	



Theo gợi ý của Rô-bốt, ta có thể tóm tắt bài toán theo sơ đồ rồi giải như sau:

Tóm tắt

Mi: ? cái kẹo

Mai: ? cái kẹo

25 cái kẹo

5 cái kẹo

Bài giải

Hai lần số kẹo của Mai là:

$25 - 5 = 20$ (cái kẹo)

Số kẹo của Mai là:

$20 : 2 = 10$ (cái kẹo)

Số kẹo của Mi là:

$10 + 5 = 15$ (cái kẹo)

Đáp số: Mai 10 cái kẹo,
Mi 15 cái kẹo.

Tương tự như trên, ta có cách giải khác:

Tóm tắt

Mi: ? cái kẹo

Mai: ? cái kẹo

25 cái kẹo

5 cái kẹo

Bài giải

Hai lần số kẹo của Mi là:

$25 + 5 = 30$ (cái kẹo)

Số kẹo của Mi là:

$30 : 2 = 15$ (cái kẹo)

Số kẹo của Mai là:

$25 - 15 = 10$ (cái kẹo)

Đáp số: Mi 15 cái kẹo,
Mai 10 cái kẹo.

Với dạng toán Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó, em có thể chọn một trong hai cách giải:

- Tìm số bé trước: $\text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$.
- Tìm số lớn trước: $\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$.

Bài giải

Bài toán thuộc dạng: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

Muốn tìm hai số, ta có thể làm theo một trong hai cách:

Cách 1: Tìm số bé trước: $\text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$.

Cách 2: Tìm số lớn trước: $\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$.

Ghi nhớ

$$\text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$$

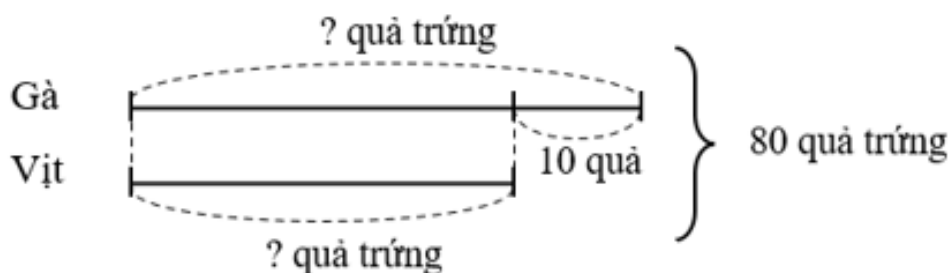
$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$$

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 25	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	Trang: 87
HOẠT ĐỘNG	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	

Nº Bài 1. Trang 87. Tập 1. Mẹ đem ra chợ bán 80 quả trứng vịt và trứng gà, trong đó trứng gà nhiều hơn trứng vịt 10 quả. Hỏi mẹ đem ra chợ bán bao nhiêu quả trứng gà, bao nhiêu quả trứng vịt?

Bài giải

Tóm tắt



Hai lần số quả trứng vịt là:

$$80 - 10 = 70 \text{ (quả)}$$

Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng vịt là:

$$70 : 2 = 35 \text{ (quả)}$$

Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng gà là:

$$80 - 35 = 45 \text{ (quả)}$$

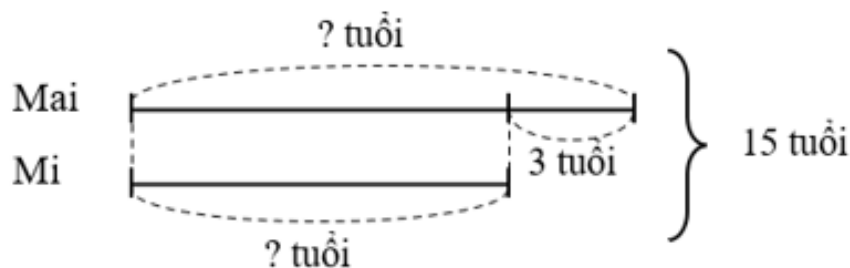
Đáp số: Trứng gà: 45 quả

Trứng vịt: 35 quả

Nº Bài 2. Trang 87. Tập 1. Mai hơn em Mi 3 tuổi. Năm nay tổng số tuổi của hai chị em là 15 tuổi. Hỏi năm nay Mai mấy tuổi, em Mi mấy tuổi?

Bài giải

Tóm tắt



Hai lần số tuổi của em Mi là:

$$15 - 3 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em Mi là:

$$12 : 2 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của Mai là:

$$15 - 6 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Mai: 9 tuổi; Mi: 6 tuổi.

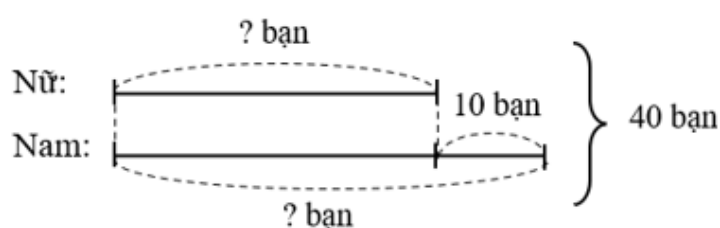
TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 25	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	Trang: 87
LUYỆN TẬP	TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ	

Nº Bài 1. Trang 87. Tập 1. Một lớp học võ dân tộc có 40 bạn tham gia, trong đó số bạn nữ ít hơn số bạn nam là 10 bạn. Hỏi lớp học võ đó có bao nhiêu bạn nữ, bao nhiêu bạn nam?



Bài giải

Tóm tắt



Lớp học võ đó có số bạn nữ là: $(40 - 10) : 2 = 15$ (bạn)

Lớp học võ đó có số bạn nam là: $40 - 15 = 25$ (bạn)

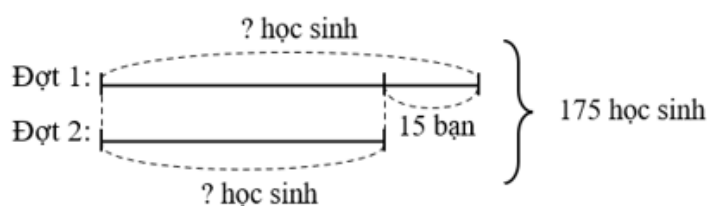
Đáp số: Nữ: 15 bạn; Nam: 25 bạn.

Nº Bài 2. Trang 87. Tập 1. Khối lớp Bốn tổ chức hai đợt cho 175 học sinh đi tham quan các làng nghề truyền thống, đợt thứ nhất nhiều hơn đợt thứ hai 15 bạn. Hỏi mỗi đợt có bao nhiêu học sinh đi tham quan làng nghề truyền thống ?



Bài giải

Tóm tắt



Số học sinh đợt 2 là:

$(175 - 15) : 2 = 80$ (học sinh)

Số học sinh đợt 1 là:

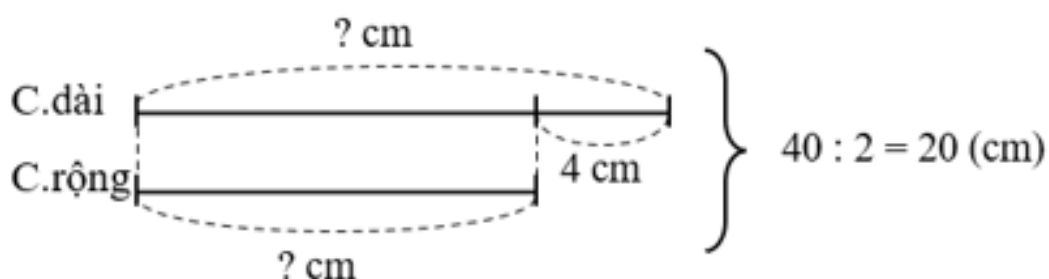
$175 - 80 = 95$ (học sinh)

Đáp số: Đợt 1: 95 học sinh; Đợt 2: 80 học sinh.

№Bài 3. Trang 87. Tập 1. Một hình chữ nhật có chu vi là 40 cm và chiều dài hơn chiều rộng 4 cm. Tìm chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Bài giải

Tóm tắt



Nửa chu vi hình chữ nhật là:

$$40 : 2 = 20 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$(20 - 4) : 2 = 8 \text{ (cm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$20 - 8 = 12 \text{ (cm)}$$

Đáp số: Chiều dài: 12 cm

Chiều rộng: 8 cm

№Bài 4. Trang 87. Tập 1. Hai số lẻ liên tiếp có tổng là 20. Tìm hai số lẻ liên tiếp đó.

Bài giải

Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.

Số lẻ thứ nhất là:

$$(20 - 2) : 2 = 9$$

Số lẻ thứ hai là:

$$20 - 9 = 11$$

Vậy hai số lẻ cần tìm là 9 và 11.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 88
LUYỆN TẬP 1	LUYỆN TẬP CHUNG	

№Bài 1. Trang 88. Tập 1. Tính nhẩm.

- a) $1\ 000\ 000 + 600\ 000 - 200\ 000$
 $200\ 000 + 400\ 000 - 300\ 000$
b) $20\ 000\ 000 + (4\ 000 + 400\ 000)$
 $1\ 000\ 000 + (90\ 000 - 70\ 000)$

Bài giải

- a) $1\ 000\ 000 + 600\ 000 - 200\ 000 = 1\ 600\ 000 - 200\ 000 = 1\ 400\ 000$
 $200\ 000 + 400\ 000 - 300\ 000 = 600\ 000 - 300\ 000 = 300\ 000$
b) $20\ 000\ 000 + (4\ 000 + 400\ 000) = 20\ 000\ 000 + 404\ 000 = 20\ 404\ 000$
 $1\ 000\ 000 + (90\ 000 - 70\ 000) = 1\ 000\ 000 + 20\ 000 = 1\ 020\ 000$

№Bài 2. Trang 88. Tập 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a)
$$\begin{array}{r} 298\ 391\ 220 \\ + \\ 200\ 000 \\ \hline 498\ 391\ 220 \end{array}$$
 ?

b)
$$\begin{array}{r} 8\ 685\ 920 \\ - \\ 685\ 920 \\ \hline 8\ 000\ 000 \end{array}$$
 ?

c)
$$\begin{array}{r} 3\ 123\ 000 \\ - \\ 209\ 000 \\ \hline 3\ 126\ 000 \end{array}$$
 ?

d)
$$\begin{array}{r} 83\ 881\ 329 \\ + \\ 109\ 452 \\ \hline 83\ 990\ 781 \end{array}$$
 ?

Bài giải

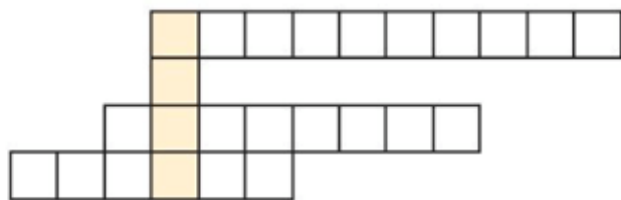
a)
$$\begin{array}{r} 298\ 391\ 220 \\ + \\ 200\ 000 \\ \hline 498\ 391\ 220 \end{array}$$
 S

b)
$$\begin{array}{r} 8\ 685\ 920 \\ - \\ 685\ 920 \\ \hline 8\ 000\ 000 \end{array}$$
 Đ

c)
$$\begin{array}{r} 3\ 123\ 000 \\ - \\ 209\ 000 \\ \hline 3\ 126\ 000 \end{array}$$
 S

d)
$$\begin{array}{r} 83\ 881\ 329 \\ + \\ 109\ 452 \\ \hline 83\ 990\ 781 \end{array}$$
 Đ

Nº Bài 3. Trang 88. Tập 1. Nhà toán học Lê Văn Thiêm là tiến sĩ toán học đầu tiên của Việt Nam. Em hãy giải ô số bằng cách tính giá trị các biểu thức sau đây để biết được năm sinh của ông.



$$999\,999\,999 + 1$$

$$82\,831 - 82\,822$$

$$36\,000\,000 + 1\,000\,000 - 6\,000\,000$$

$$24\,837 + (739\,000 - 39\,000)$$

Bài giải

$$999\,999\,999 + 1 = 1\,000\,000\,000$$

$$82\,831 - 82\,822 = 9$$

$$36\,000\,000 + 1\,000\,000 - 6\,000\,000 = 31\,000\,000$$

$$24\,837 + (739\,000 - 39\,000) = 724\,837$$

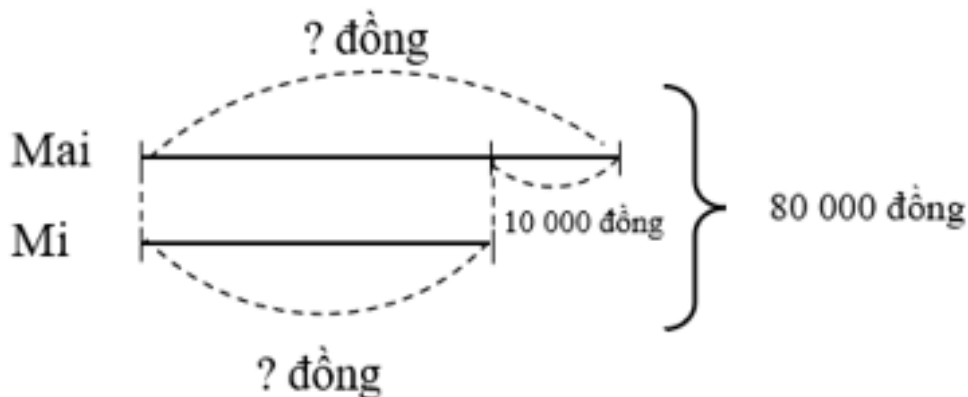
Giải ô số theo hình vẽ, ta được năm sinh của nhà toán học Lê Văn Thiêm là 1918.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 88
LUYỆN TẬP 1	LUYỆN TẬP CHUNG	

Nº Bài 4. Trang 88. Tập 1. Mai và em Mi tiết kiệm được 80 000 đồng. Số tiền mà Mai tiết kiệm nhiều hơn số tiền mà em Mi tiết kiệm là 10 000 đồng. Hỏi mỗi người tiết kiệm được bao nhiêu tiền?

Bài giải

Tóm tắt



Mi tiết kiệm được số tiền là:

$$(80\,000 - 10\,000) : 2 = 35\,000 \text{ (đồng)}$$

Mai tiết kiệm được số tiền là:

$$80\,000 - 35\,000 = 45\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: Mai: 45 000 đồng

Mi: 35 000 đồng

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 89
LUYỆN TẬP 2	LUYỆN TẬP CHUNG	

Nº Bài 1. Trang 89. Tập 1. Đặt tính rồi tính.

$$83\ 738 + 12\ 533 \qquad 137\ 736 + 902\ 138$$

$$96\ 271 - 83\ 738 \qquad 1\ 039\ 874 - 902\ 138$$

Bài giải

$$\begin{array}{r} 83\ 738 \\ + 12\ 533 \\ \hline 96\ 271 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 137\ 736 \\ + 902\ 138 \\ \hline 1\ 039\ 874 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96\ 271 \\ - 83\ 738 \\ \hline 12\ 533 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1\ 039\ 874 \\ - 902\ 138 \\ \hline 139\ 736 \end{array}$$

Phép tính	Kết quả
$83\ 738 + 12\ 533$	96 271
$137\ 736 + 902\ 138$	1 039 874
$96\ 271 - 83\ 738$	12 533
$1\ 039\ 874 - 902\ 138$	139 736

Nº Bài 2. Trang 89. Tập 1. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $73\ 833 + 3\ 992 - 3\ 833$

b) $85\ 600 + 2\ 500 - 5\ 600$

c) $30\ 254 + 10\ 698 + 1\ 746$

Bài giải

a) $73\ 833 + 3\ 992 - 3\ 833 = (73\ 833 - 3\ 833) + 3\ 992 = 70\ 000 + 3\ 992 = 73\ 992$

b) $85\ 600 + 2\ 500 - 5\ 600 = (85\ 600 - 5\ 600) + 2\ 500 = 80\ 000 + 2\ 500 = 82\ 500$

c) $30\ 254 + 10\ 698 + 1\ 746 = (30\ 254 + 1\ 746) + 10\ 698$
 $= 32\ 000 + 10\ 698 = 42\ 698$

Nº Bài 3. Trang 89. Tập 1. Một quỹ nhân ái, ngày thứ nhất nhận được 28 500 000 đồng, ngày thứ hai nhận được 47 250 000 đồng, ngày thứ ba nhận được 80 250 000 đồng. Hỏi cả ba ngày quỹ nhân ái nhận được bao nhiêu tiền?

Bài giải

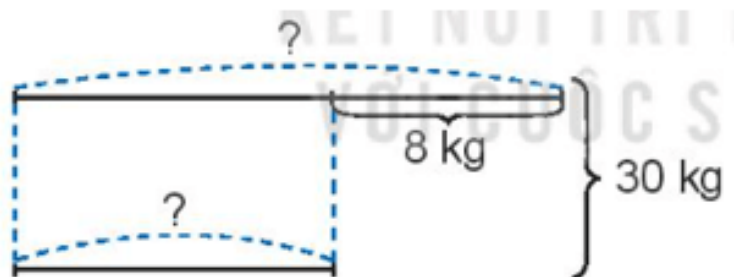
Cả ba ngày quỹ nhân ái nhận được số tiền là:

$$28\ 500\ 000 + 47\ 250\ 000 + 80\ 250\ 000 = 156\ 000\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 156 000 000 đồng.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 89
LUYỆN TẬP 2	LUYỆN TẬP CHUNG	

№Bài 4. Trang 89. Tập 1. Lập một đề toán dựa vào sơ đồ sau rồi giải bài toán đó.



Bài giải

Bài toán: Nhà An mua 2 bao gạo, cân nặng của cả hai bao gạo là 30 kg. Bao gạo thứ nhất nặng hơn bao gạo thứ hai 8 kg. Hỏi mỗi bao gạo nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bao gạo thứ hai cân nặng là:

$$(30 - 8) : 2 = 11 \text{ (kg)}$$

Bao gạo thứ nhất cân nặng là:

$$30 - 11 = 19 \text{ (kg)}$$

Đáp số: Bao thứ nhất: 19 kg

Bao thứ hai: 11 kg

№Bài 5. Trang 89. Tập 1. Đồ em! Số 178 265 được ghép từ 6 thẻ số như hình dưới đây. Mỗi lần di chuyển, Nam chỉ có thể đổi chỗ hai tấm thẻ cho nhau. Hỏi Nam cần ít nhất mấy lượt di chuyển để được số 268 157?



Bài giải

Nam cần ít nhất 3 lượt đổi chỗ để được số 268 157.

Lượt 1: Đổi chỗ thẻ số 1 và thẻ số 2, được số 278 165.

Lượt 2: Đổi chỗ thẻ số 7 và thẻ số 6, được số 268 175.

Lượt 3: Đổi chỗ thẻ số 7 và thẻ số 5, được số 268 157.

Vậy Nam cần ít nhất 3 lượt di chuyển.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 90
LUYỆN TẬP 3	LUYỆN TẬP CHUNG	

Nº Bài 1. Trang 90. Tập 1. Tính giá trị của mỗi hoá đơn dưới đây.

HOÁ ĐƠN	
Siêu thị Tương lai	
Ngày: .../.../...	
Củ cải	12 000
Sữa tươi	39 000
Ngũ cốc	124 000
Tổng	? đồng
Cảm ơn quý khách!	

HOÁ ĐƠN	
Siêu thị Tương lai	
Ngày: .../.../...	
Cà phê	72 500
Kẹo	43 000
Bộ ấm chén	452 500
Tổng	? đồng
Cảm ơn quý khách!	



Bài giải

Giá trị của hoá đơn 1 là:

$$12\ 000 + 39\ 000 + 124\ 000 = 175\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá trị của hoá đơn 2 là:

$$72\ 500 + 43\ 000 + 452\ 500 = 568\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: Hoá đơn 1: 175 000 đồng

Hoá đơn 2: 568 000 đồng

Nº Bài 2. Trang 90. Tập 1. Mai và Mi cùng nhau gấp được 154 con hạc giấy. Mai gấp nhiều hơn Mi 12 con hạc giấy. Hỏi mỗi bạn gấp được bao nhiêu con hạc giấy?

Bài giải

Mi gấp được số con hạc giấy là:

$$(154 - 12) : 2 = 71 \text{ (con)}$$

Mai gấp được số con hạc giấy là:

$$154 - 71 = 83 \text{ (con)}$$

Đáp số: Mai: 83 con; Mi: 71 con.

TOÁN 4	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	CHỦ ĐỀ 5
Bài 26	LUYỆN TẬP CHUNG	Trang: 90
LUYỆN TẬP 3	LUYỆN TẬP CHUNG	

Nº Bài 3. Trang 90. Tập 1. Trong lễ hội trồng cây, Trường Tiểu học Lê Lợi và Trường Tiểu học Kim Đồng trồng được tất cả 450 cây. Trường Tiểu học Lê Lợi trồng được ít hơn Trường Tiểu học Kim Đồng là 28 cây. Hỏi mỗi trường trồng được bao nhiêu cây ?



Bài giải

Trường Tiểu học Lê Lợi trồng được số cây là:

$$(450 - 28) : 2 = 211 \text{ (cây)}$$

Trường Tiểu học Kim Đồng trồng được số cây là:

$$450 - 211 = 239 \text{ (cây)}$$

Đáp số: Trường Lê Lợi: 211 cây

Trường Kim Đồng: 239 cây

Nº Bài 4. Trang 90. Tập 1. Đố em! Đặt một dấu cộng vào giữa các chữ số để được phép tính đúng.

9 2 6 8 1 1 2 9 = 1 0 3 9 7



Bài giải

Ta đặt dấu cộng như sau:

$$9\ 268 + 1\ 129 = 10\ 397$$